TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày 01 tháng 02 năm 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con giữa chị Th, anh L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Diệu
2. Bà Tăng Thị Hiệu

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 278/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXX-ST ngày 30/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Th, sinh năm 1983

Đăng ký HKTT: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Địa chỉ hiện ở: Thôn Ng, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Chị Th có mặt, anh L vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn chị Phan Thị Th có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn L trên cơ sở tự do tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 22/09/2006 tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh L ở thôn B, xã Q, huyện Q. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L không chịu khó làm ăn, nhiều lần chị khuyên bảo nhưng anh L vẫn không thay đổi. Tháng 10/2014 anh L bỏ đi khỏi gia đình không nói gì cho

chị cũng như gia đình biết đi đâu, làm gì. Khoảng tháng 11/2014 bố đẻ chị và cậu có sang nói chuyện với bố mẹ đẻ anh L và xin phép cho chị về nhà đẻ ở thôn Ng, xã Q sinh sống, vợ chồng chũng ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm hỏi han gì đến nhau. Chị Th thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị xin được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị Th xác nhận chị và anh Nguyễn Văn L có 01 con chung là Nguyễn Hoài N, sinh ngày 18/3/2007, hiện cháu N đang ở cùng chị và ông bà ngoại. Khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, hiện chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th trình bày vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn L vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Tại biên bản xác minh với bà Hoàng Thị H (là mẹ đẻ anh L), địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, bà Hiên trình bày: Việc kết hôn giữa chị Phan Thị Th, anh Nguyễn Văn L như chị Th trình bày là đúng. Quá trình chung sống bà không thấy vợ chồng có mâu thuẫn gì với nhau, khoảng tháng 10/2013 (âm lịch) anh L đi vào Miền Nam làm ăn, mấy ngày sau đó bố đẻ và cậu chị Th có sang nhà bà xin phép cho chị Th về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Ng, xã Q sinh sống nhưng gia đình bà không đồng ý. Chiều cùng ngày chị Th có sang thu dọn đồ đạc sinh hoạt và bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó cho đến nay. Nay chị Th xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng được đoàn tụ, trường hợp hòa giải không thành đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung: Vợ chồng chị Th, anh L có 01 con chung là Nguyễn Hoài N, sinh ngày 18/3/2007 đúng như chị Th đã trình bày. Trường hợp vợ chồng ly hôn bà đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của cháu N để giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có.

Bà H cũng trình bày thêm anh Nguyễn Văn L vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã Q, huyện Q. Hiện nay anh L đi làm ăn ở Miền Nam, địa chỉ cụ thể như thế nào bà không nắm rõ, anh L vẫn liên lạc về gia đình và khi gia đình có công việc anh vẫn trở về. Bà đã nhận các văn bản tố tụng mà Tòa án gửi cho anh L và đã thông báo đầy đủ cho anh L biết việc chị Phan Thị Th xin ly hôn, anh L cũng có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Chị Phan Thị Th xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu N để giải quyết, việc cấp dưỡng nuôi con anh L không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân

sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa nên không phát biểu về việc chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Phan Thị Th và anh Nguyễn Văn L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Văn L có địa chỉ cư trú tại xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L hiện không có mặt tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, không cung cấp cho nguyên đơn biết địa chỉ hiện nay ở đâu là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn. Vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị Th, anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L bỏ đi làm ăn ở Miền Nam không quan tâm hỏi han gì đến chị Th và gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng vào tháng 11/2014 chị Th đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Ng, xã Q, huyện Q sinh sống, trong thời gian này anh L không quan tâm đến gia đình vợ con. Quá trình giải quyết vụ án, anh L đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết được việc chị Th xin ly hôn và anh L cũng có quan điểm đồng ý ly hôn với chị Phan Thị Th. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th, anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được, cần xử cho chị Th được ly hôn anh L là phù hợp với Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Th, anh L có 01 con chung là Nguyễn Hoài N, sinh ngày 18/3/2007. Ly hôn, chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh L phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị. Anh L có quan điểm đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của cháu N, cháu Nguyễn Hoài N cũng có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Ngoài ra cháu N ở với chị Th từ khi anh L bỏ đi, cháu được chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo bản thân chị Th có việc làm và thu nhập nên để ổn định môi trường sống cho con chung cần giao con chung Nguyễn Hoài N cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, anh L trình bày vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Th phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Phan Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoài N, sinh ngày 18/3/2007 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị Th không yêu cầu anh L phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, anh Nguyễn Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Chị Th, anh L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Th phải nộp 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai số 0004916 ngày 23/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01 tháng 02 năm 2023). Anh Nguyễn Văn L có

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Quỳnh Hoa, h. Quỳnh Phụ (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Huy Hoàng